

CHÂU THỔ CỦA NGUYỄN QUANG THIỀU TỪ ĐIỂM NHÌN VÀ CHẠM GIỮA CÁC MÃ VĂN HÓA CỘI NGUỒN

Nhận bài:

23 – 02 – 2016

Chấp nhận đăng:

20 – 06 – 2016

<http://jshe.ued.udn.vn/>Bùi Bích Hạnh^a, Nguyễn Thị Thanh Triều^b

Tóm tắt: Trong hành trình cách tân thơ Việt, Nguyễn Quang Thiều là một hiện tượng lạ. Lạ trong cảm quan, lạ trong lối viết. Đọc thơ Nguyễn Quang Thiều dưới góc nhìn tương tác mã văn bản, bạn đọc sẽ tiếp nhận được va chạm giữa những mã văn hóa cội nguồn trong mạng lưới văn bản thơ: biểu tượng của văn hóa Bắc Bộ, cội nguồn uyên nguyên mộng mơ... Trong thơ Nguyễn Quang Thiều, người đọc có thể chiêm ngưỡng “triển lãm văn hóa dân tộc”, ở đó ám ảnh phận người và cả khát vọng giải phóng phận người. Tư duy thơ, hình tượng thơ, kĩ thuật viết đều gọi tưởng về không gian *châu thổ*, nơi đan bện ngổn ngang, hỗn độn, ám ảnh ma mị của tín ngưỡng làng; là kí ức phục dựng nguồn cội, là những ngôi mộ tổ tiên gọi nhớ cố hương. Tìm hiểu thơ Nguyễn Quang Thiều từ sự đối thoại giữa các mã văn hóa nguyên thủy cũng là khuynh hướng mĩ học tiếp nhận liên văn hóa. Qua đó, người đọc chạm đến mĩ cảm cội nguồn, không gian văn hóa mang đậm nhân tính Việt.

Từ khóa: Châu thổ; nguồn cội; mã văn hóa; liên văn hóa; Nguyễn Quang Thiều.

11. Đặt vấn đề

Với nỗ lực phát triển và hoàn thiện, sau năm 1986, văn học Việt Nam đã chuyển mình mạnh mẽ để tham dự diễn trình hiện đại/ hậu hiện đại. Những tín hiệu hậu hiện đại trong văn chương Việt Nam thời kì đổi mới thể hiện trên nhiều bình diện khá phong phú. Với cách tân trong lối viết, trong tư tưởng bằng việc dỡ bỏ những nguyên tắc của văn chương truyền thống, cùng với ý thức giải trung tâm¹, văn học Việt Nam ngày càng đào sâu vào bản chất hỗn mang của hiện thực cuộc sống cũng như sự đa chiều trong tâm hồn con người. Về tư tưởng, văn học thời kì đổi mới thể hiện kiểu cảm nhận đời sống đặc thù mang trạng thái tinh thần của thời đại: sự đổ vỡ của trật tự trong đời sống xã hội; sự áp đặt của cái chính thống/ truyền thống; sự đảo lộn các giá trị đời sống; sự hoài nghi, mất niềm tin, lạc loài, vong thân, cô

độc, bất an, ám ảnh... của con người. Để chuyên chở cảm thức của thời kì hậu hiện đại, văn học Việt Nam thời kì đổi mới tiếp nhận và vận dụng sáng tạo hình thức đặc thù như lối viết đa/ phi tuyến, hiện thực kì ảo, siêu hư cấu, liên văn bản... Trong đó sự tương tác giữa các

¹Kĩ thuật viết ghép mảnh, phân mảnh khiến cho văn bản không có trung tâm mà mang tính chất phi trung tâm, phi tâm điểm hoá rõ nét, giúp nhà văn thể hiện thế giới quan một cách cô đúc, tối giản và tạo khoảng trống mời gọi người đọc đồng sáng tạo. Xin xem thêm [2].

mã văn bản, được xem là hình thái biểu hiện trạng huống liên văn bản (intertextuality²), là một đặc điểm/ phương pháp/ yếu tính quan trọng của văn học Việt Nam hậu hiện đại.

Trong thơ ca, với ý đồ giải mã cơ cấu tương tác các mã văn bản trong văn bản nguyên sinh, các nhà nghiên cứu cho rằng không thể nói về *tính độc sáng tuyệt đối*, bởi vì mọi sáng tạo của nhà thơ đều trong quan hệ, liên

^a Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng

^b Học viên cao học K29 chuyên ngành Văn học Việt Nam - ĐHQĐN

* Liên hệ tác giả

Bùi Bích Hạnh

Email: thachthao111@gmail.com

hệ với những sáng tạo, quan niệm đã tồn tại trong triết học, tôn giáo và văn hóa... Thực chất đây là đối thoại, ràng rịt giữa văn bản hiện tồn/ trung tâm của chủ thể sáng tạo và các giải văn bản/ văn bản ngoại vi/ tiền văn bản. Có thể thấy, thi ca Nguyễn Quang Thiều luôn gợi dẫn những liên tưởng, nhắc nhớ đến các lớp vỉa tầng văn hóa cội nguồn mượt mà, thâm sâu xứ Kinh Bắc; triển hiện sự đan bện chằng chịt của tấm lưới văn hóa Bắc bộ với mảng nổi và cả mạch ngầm, những sợi liên kết vô hình. Điều đó làm nên bản sắc thơ Nguyễn Quang Thiều. Người nghệ sĩ luôn ý thức dẫn tâm tưởng người đọc về lại cội nguồn, nơi cuộc sống và bản chất tự nhiên, thuần khiết con người được lưu giữ, nơi tiếng cười nói hàng ngàn năm vẫn trong trẻo, vang động bên sông và đậu trên những cánh đồng châu thổ. Thi ảnh của ông luôn chứa đựng sức mạnh biểu tượng trong gạch nối ngược về phía cội nguồn của bản sắc văn hóa dân tộc. Để thành dòng chảy đắm thấm phảng phất nỗi buồn, nỗi mộng mơ vương vấn không ngừng nghỉ đổ về phía cội nguồn, đan xếp nên một “triển lãm văn hóa dân tộc” mang hơi thở của làng Chùa - châu thổ mang phù sa sông Đáy khác biệt trong nền thi ca Việt Nam. Đó là sự tương hệ giữa các mã văn bản trong mạng lưới thơ Nguyễn Quang Thiều mà văn hóa cội nguồn là một trong những kí mã nghệ thuật mang đậm ý nghĩa thẩm mỹ.

²Theo LP. Rjanskaya, liên văn bản là mối quan hệ giữa văn bản này và văn bản khác có kết cấu đan xen trong lịch sử văn chương. Liên kết này có thể là sự tham khảo, trích dẫn, ám chỉ, bất chước, nhại, vay mượn, mô phỏng, thảo luận rộng mở hoặc ứng dụng văn bản nào đó vào trong văn bản của tác giả. Vì vậy, có thể coi liên văn bản như thủ pháp tổ chức văn bản. Nhưng liên văn bản cũng được hiểu như là thuộc tính bản thể của mọi văn bản, *bất kỳ văn bản nào cũng là liên văn bản* [5]. Nói cách khác, không có văn bản nào thực sự như một sự sáng tạo tuyệt đối, văn bản nào cũng chịu sự tác động của văn bản văn hoá (cultural text) của xã hội.

2. Châu thổ mang phù sa sông Đáy - sự đan bện các mã văn hóa cội nguồn

Barthes cho rằng trong bối cảnh ngày nay, một văn bản nào ra đời đều gợi nhắc/ nhớ đến văn bản tiền thân/ như đã từng có. Trước đó, các nhà Hình thức luận Nga cũng quan niệm: “Hình tượng hầu như vẫn cố định; từ thể kí này sang thể kí khác, từ miền này sang miền khác,

từ nhà thơ này sang nhà thơ khác, các hình tượng này vẫn thế, không thay đổi. Các hình tượng vừa “không của ai cả”, vừa là của “thần thánh”. Bạn càng biết rõ thời đại mình, thì càng thấy rõ rằng những hình tượng mà bạn coi là của một nhà thơ nào đó tạo ra, thật ra anh ta mượn từ những nhà thơ khác và chúng hầu như không thay đổi” [dẫn theo 7]. Từ đó, có thể hình dung lược đồ tương tác/ va chạm giữa các mã văn bản trong thi giới Nguyễn Quang Thiều là sự hiện tồn của tự do sáng tạo.

Sức sống văn hóa cội nguồn - của cái chung của dân tộc trong thơ Nguyễn Quang Thiều minh chứng sâu sắc cho sự níu kéo, giăng mắc tâm thức văn hóa vào hành trình sáng tạo nghệ thuật. Thi giới Nguyễn Quang Thiều hé lộ cứu cánh khai triển một lối vào miền mộng mơ nghệ thuật không ngừng nghỉ tìm về cội nguồn của thi sĩ, là dòng chảy làm hồi sinh những thức cảm văn hóa đẹp đẽ ngủ quên/ bị lãng quên. Thế giới nghệ thuật ấy được xem là “chinh thể nghệ thuật đa phân, lạ hóa” [3, tr.224]. Qua tiếng gọi ngàn xưa ẩn trong lớp lớp trầm tích văn hóa kết bện hiển hiện trong ngôn từ, hệ thống thi ảnh trữ tình trong thơ Nguyễn Quang Thiều đã thể hiện được quyền lực biểu tượng trong hành trình nói dài vạn lí ngược miền quá khứ. Chủ thể day diết về lại với cội nguồn, nơi cuộc sống tự nhiên và bản chất thuần khiết của con người Việt Nam được lưu giữ. Theo đó, miền kí ức xa xăm của dân tộc ùa về trong đắm đắm nhớ thương. Tìm hiểu thơ Nguyễn Quang Thiều từ sự đối thoại giữa các mã văn hóa nguyên thủy cũng là khuynh hướng mỹ học tiếp nhận liên văn hóa. Qua đó, người đọc tri nhận về mỹ cảm cội nguồn, về không gian văn hóa mang đậm nhân tính Việt. Thi giới Nguyễn Quang Thiều, qua nhãn quan của những nhà nghiên cứu, phê bình, thật sự là thế giới “tích hợp theo kiểu tư duy tương hợp” [3, tr.224].

2.1. Thiên nhiên làng Chùa - niềm thương nhớ cố hương

Nông thôn Việt là máu thịt trong sáng tác của nhiều tác giả mà đại biểu là một chân quê Nguyễn Bính, một Nguyễn Duy - đất mẹ tình người, một nỗi đau thất thế Phùng Cung, một Mai Văn Phan của thiên nhiên và tấm lòng, một Đồng Đức Bốn - người quê trong cõi nhân sinh,... Nguyễn Quang Thiều lại viết về nông thôn Việt Nam bằng màu sắc khác với những khoảnh khắc của vùng thi giới nông thôn. Đó là hơi thở, bóng hình đất đai quê nhà của vùng đất mưa tràn nắng hạn đậm Việt tính. Hình ảnh của ông bà tổ tiên. Là sông Đáy chảy sâu

vào cõi nhớ, là sự giàu có mỡ màng của châu thổ. Là tiếng quê khản giọng ngày trở về, là tiếng thổn thức của tóc. Là không gian có mùi cao con hổ, mùi trâu. Là linh hồn bình gốm cũ. Là người đàn bà gánh nước sông,... Để chạm được *lời nguyên vĩ đại*: *Ta đi về cửa ngõ của chiều/ Ta đi về thửa ta chưa cắt rốn/ Ta đi về thửa ta còn sóng sánh/ Và ta chạm lời nguyên vĩ đại/ Man rợ ngân lên từ phía tối mặt trời (Mười một khúc cảm)*. Ngay từ đầu *Châu thổ*, ông đã khai mở như là tuyên ngôn: *Con đường/ Con đường/ Con đường/ Dắt ta về hồ nước cũ (Lễ tạ)*. Ý thức gắn kết với lớp trầm tích văn hóa bản địa - cuống nhau văn hóa dân tộc luôn để lại dấu vết dày đặc trong từng trang thơ. Áo ảnh của trí lực dân gian trong lời người làng Chùa làm trỗi dậy những ý tình thăng hoa từ chất sống dày sâu của đũa con thi nhân có khả năng đánh thức người đọc với diễn ngôn nặng long của niềm thương cảm cổ hương: *Tổ tiên tôi thức quá lâu, tôi lại ngủ quá lâu/ Trong trăm vọng kèn hơi những họng người đã rách (Bài hát)*.

Thiên nhiên cõi làng Chùa, châu thổ của con sông Đáy xuất hiện như ám tượng quán xuyên toàn bộ thể giới nghệ thuật thơ. Nó hiện hiện bằng những dạng thức khác nhau với đậm đặc thi ảnh, thanh âm mang đủ cung bậc trong suốt chiều dài của thơ ông. Đó là cốt hồn của nguồn cội dân tộc với hiện thân là những “mảnh vụn” cũ dẹt nên “tám vải mới”. Nói như J. Kristeva, phần lớn những mảnh vụn này đều/ có khi vĩnh viễn vô danh; không thể truy nguyên được xuất thân nguyên thủy. Đó là trích dẫn tự động từ vô thức và không để lộ một dấu hiệu đặc biệt nào để nhận diện được³. Khi mảnh đất làng từng là thi liệu quen thuộc trong thi pháp văn học trung đại, độc giả hẳn đã xúc động với mấy vắn thơ của cụ Tam Nguyên Yên Đổ ưu ái cho hồn xứ sở: *Ao thu lạnh lẽo nước trong veo/ Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo/ Sóng biếc theo làn hơi gợn tí/ Lá vàng trước gió sẽ đưa vèo/ Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt/ Ngõ trúc quanh*

³Xin xem thêm [4].

co khách vắng teo - Năm gian nhà cỏ thấp le te/ Ngõ tối đêm sâu đóm lập lòe... Không gian nông thôn Bắc bộ đã hiện lên thật gần gũi, thân thương, nhưng dấu sao vẫn còn mang nét tĩnh và trầm mặc. Không gian làng Chùa của Nguyễn Quang Thiều là nơi bầu vú ẩn vào đá sỏi/ Cừ nâu dần sau mỗi tiếng u...u (Mười một khúc cảm). Đó là một không gian giăng mắc nhiều ám tượng,

Là một vùng bãi bồi nguyên sơ gọi nổi buồn hoang hoải: *Hỡi con chim kêu suốt cả mùa hè/ Kêu buồn rầu dưới những bờ tre/ Kêu khắc khoải miền man bên đầm cỏ lác (Nghe tiếng con chim cuốc)*, là những cánh đồng rau khúc với *Những con chuột đồng ướt át và run rẩy gọi tôi/ Về xứ sở những lùm đũa dại (Tôi khóc những cánh đồng rau khúc)*, là mùa gặt mới chìm gáy về gai ổ.../ *Sông rì rào hát dưới chân đê/ Bụi tầm xuân chim sẽ đồng xây tổ/ Có may như chỉ đợi khách qua đường (Những người lính của làng)*, là nắng gặt gạo tháng Tám trên đồng/ *Gạo âm âm trong bao màu cỏ úa (Làng quê)*, là hoàng hôn nơi chân đê: *Hoàng hôn trũng mãi đáy vó tôm và đất vườn hoang dâng lên như bã thính (Ban mai)*... Cũng có khi làng Chùa thu về trong không gian của một con ngõ: *Bao năm rồi/ Tôi lớn lên trong ngõ của tôi (Bầy chó của tôi)* hay lối mòn về nhà: *Lặng lẽ hoàng hôn tôi cuộn áo chạy về/ Lối mòn xưa qua vườn giờ cỏ xèo che kín (Sám hối)*, là những hình ảnh thể giới thiên nhiên chuyển động làm cái tôi xốn xang: *Hoa cải rơi không thể cầm lòng/ Chuồn chuồn bay chiều nay nhiều đến thế/ Cánh chập chờn trên ngọn khoai lang (Mệnh lệnh)*... đến cả không gian mùa thương nhớ: *Tháng Tư ơi, hoa gạo cháy ngang trời/ Chim sáo bên sông bay về dự hội/ Hoa lan thơm tôn kính cuối sân chùa (Làng quê)*...

Cảm quan mang hồn vía dân tộc của nhà thơ run rẩy trước từng ảnh hình quê hương. Trong không gian của châu thổ đắp bồi từ dòng sông Đáy, thi ca Nguyễn Quang Thiều vọng lại rất nhiều thanh âm của lớp lớp chứng tích văn hóa dân tộc đã được “tan loãng” và “trung hòa sắc độ”⁴. Ta cũng đã có một Trần Đăng Khoa

⁴Theo Kristeva: "văn bản không được hình thành từ ý đồ sáng tác riêng tây của người cầm bút mà chủ yếu là từ những văn bản khác đã hiện hữu trước đó: mỗi văn bản là một sự hoán vị của các văn bản, nơi lời nói từ các văn bản khác gặp gỡ nhau, tan loãng vào nhau và trung hoà sắc độ của nhau". Xin xem thêm [4].

với những lớp sóng âm như thế, từ tiếng của các con vật trong nhà. Tiếng con chó vện hay hỏi đầu đầu, tiếng con vịt bầu hay nói âm ỉ, tiếng mấy chú gà liếp nhiếp, mụ gà cục tác như điên,... đến tiếng các con vật trên cao: *tiếng chim chích chòe đang hót, xôn xao tiếng sẻ, tiếng ve báo mùa, những chú chim chiu chít - bay lên kêu chíp chíp, ... thật sôi nổi, rộn ràng và cả tiếng của các con vật*

ngoài đồng: *Ếch nhái uôm uôm mở hội, Dế Mèn ngâm thơ, Ếch con học nhạc*. Nhưng đó là dư vang hồn nhiên của một thính giác trong trẻo. Với cư dân làng Chùa, thanh âm vọng trong tiềm thức người con đất Việt nào là vang dội của miền sâu suy tưởng, chiêm nghiệm bằng sự nối dài các trường nghĩa: *tiếng chó rộ lên từ xóm nhà ta đến đầu làng/ Cuối tiếng chó là bến sông quê và con đò cô độc (Tiếng cười), tiếng bánh xe trâu lặng lẽ qua đêm/ Vọng về từ cánh đồng rộng lớn mờ sương/ Chát đầy hương cỏ tươi lẫn về nơi hừng sáng (Ban mai), tiếng ve kêu rỗng vỏ cây khô, tiếng muỗi kêu làm rối những đêm dài, tiếng ếch kêu vọng nước ao đầm, tiếng con cuốc gầy kêu vỡ cả năm canh, tiếng một kêu cột nhà như thách thức, tiếng thạch sùng kêu một khoảng tối trong nhà, tiếng gà kêu lọc cọc bước lên chuồng, là cả tiếng gió qua vườn... (Mệnh lệnh)*. Đây là thanh âm của tiếng người trong cõi nhân sinh bên bờ đê cuống rạ đẹp đến thao thiết nào nùng: *Tiếng diều cày xoáy chạm mây tầng đêm (Người con gái trên sân ga), tiếng sáo trắng tìm đến ngõ nhà mình (Trở về), tiếng com sôi lật đật*. Là thanh âm của bất an dâng lên như hơi thở: *Căn nhà nhỏ chỉ nghe mẹ thở/ Tiếng mẹ vấp bước chân qua cửa bếp/ Tiếng mẹ ho tiếng lá bưởi cay sè (Mệnh lệnh)*. Là dư chấn của biến động dữ dội như gió gào, như sấm: *Những tiếng gào lác gió giữa hơi bom (Người con gái trên sân ga), Trời phía biển vỡ ra từng đợt sấm (Mệnh lệnh), Một tia chớp chùng chằng cuối biển/ Sấm muện mằn rền rĩ lan xa (Người con gái trên sân ga)*. Có cả tiếng của tiền nhân từ cõi âm vô thức vọng lại: *Ta nghe có người nấp sau ở đó gọi ta, và ta đi, ta đi (Tháng mười)*... Âm giai ấy dội về từ hữu thức hay vô thức phải chăng là hòa âm của những đả bào đánh thức con người để tự nghe lại chính giọng nói của mình: *Tôi buông tiếng thở dài - chiếc cần câu không lưỡi, không phao vào miền nước ồm (Không để)*. Trong nỗi khát khao trở về nguồn cội, với tình yêu quê hương tràn đầy, nhà thơ lấp ghép nên những thi ảnh vừa ngẫu nhiên, vừa mang tính ám dụ mới mẻ.

Hơi thở văn hóa của miền sông Đáy còn được dệt từ ngan ngát mùi vị đặc trưng của quê hương châu thổ. Vị thơm của *hương ngái cứu con thương vàng trán mẹ (Mệnh lệnh)*, hương thơm của *chờ xôi mùa cuối của bà tôi dâng lên trong chiều (Tôi khóc những cánh đồng rau khúc)*, mùi vị ngon lành của bữa cơm quê đậm bạc *dầm quả cà đủ một bữa cơm ngon (Những người lính của*

làng), mùi của *lá trâu cay thơm ngát (Âm nhạc)*, của *sữa bà mẹ khe khẽ tràn vào đêm (Bài hát về cố hương)* đến mùi khói của đất đai châu thổ, của rom rạ nhà quê: *Những ngọn khói trẻ chân trâu đốt rạ trên cánh đồng sau vụ gặt/ Thở vào ta hương vị tháng mười (Tháng mười)*, cả mùi thuốc Lào và ruộng bùn ngai ngái (*Những ví dụ*) đến những *tắm áo rách sặc mùi bùn... (Trên đại lộ)*, mùi khói phân trâu khô bên đường bên lửa (*Tha phương*). Tất cả thấm sâu, bện kết vào chất thơ dày dặn của ông một hồn quê bền bỉ, đậm đà nghĩa tình pha niêm xót chát. Trong sự ôm chứa và “ràng buộc” của “tắm lưới văn hoá” cội nguồn, thiên nhiên châu thổ mang phù sa sông Đáy qua sáng tác Nguyễn Quang Thiều triển hiện day dứt lối đi về miền cố hương trong thăm sâu hồn Việt.

2.2. Những người đàn bà gánh nước sông và hiện thân “mĩ học của cái khác”

Cõi huyền thi trong Nguyễn Quang Thiều được thời sự hóa càng về sau càng như một kháng cự, kêu cứu về một thế giới hỗn mang. Chúng tồn tại bên cạnh sự sống và mang một sức mạnh đầy lôi cuốn, ám ảnh bởi thi sĩ đã mê đắm gửi vào đó ước mơ dữ dội từ những mã vô thức trữu sâu. Chủ thể đi tìm sự hồi sinh một sức mạnh vô tận đỡ đần những tâm hồn để triển hiện giấc mộng cải hoá một xã hội ngày càng nhiều chồng chất tội lỗi, dối lừa, bất trắc, vô cảm... Ám ảnh day dứt trong thơ Nguyễn Quang Thiều là những người đàn bà lam lũ, những người đàn bà gánh nước sông của làng Chùa. Hình ảnh cô Tấm, nàng Kiều Nguyệt Nga trong văn học của ngày xưa thức hiện trong hình bóng người mẹ luôn gắn với trở trăn bên triền sông Đáy. Mẹ cũng là dòng sông cần lao, dòng sông nhân nghĩa, bao dung nhất: *Thuở tôi vừa sinh ra/ Mẹ đã đặt ngọn đèn trước mặt tôi/ Để tôi nhìn mặt đèn mà biết buồn, biết yêu và biết khóc (Bài hát về cố hương)*.

Với những cuộc đưa tiễn, bóng dáng mẹ quê bao giờ cũng hằn lên xót xa trong sâu thẳm đứa con làng với vết thương khó lành miệng: *Mẹ dừng lại có cơn ho run rẩy/ Vàng trán người căng ở phía con đi (Mệnh lệnh).../ Các anh đi từ một dốc đê làng/ Mẹ đưa tiễn chân trời lau nước mắt/ Máu mẹ chảy về nơi đang mất máu/ Chớp bom thù và bóng các anh đi... Mẹ đưa tiễn khóc thẳm trong sóng vỡ/ Mẹ đưa con gái mình qua sông ngày không pháo cưới (Khúc tưởng niệm số 1)*. Kí ức về mẹ, người đàn bà sông Đáy luôn khắc khoải, đau đáu trong đong tràn thương nhớ xót xa: *Khi mẹ vun lá khô nhóm*

bếp/ Là lúc mẹ nhớ con nhiều nhất trong ngày/ Chiều nay con không về buộc trâu đầu ngõ/ Tiếng cọ sừng lác đác hoàng hôn/ Chiều nay mẹ ngồi vun mãi lá bưởi khô/ Lá bưởi đắng khó làm cay mắt mẹ (Mệnh lệnh). Người đọc cũng từng quen với bóng dáng người đàn bà thấp thoáng trên đường làng quanh vắng, bước cao bước thấp bên bờ tre hun hút hoặc trên những chuyến đò ngang miệng hé hạt na nhòa bên vắng, làm nhớ đến hình tượng người phụ nữ triu phận của con sông Vị Hoàng. Họ hiện lên với vẻ đẹp giản dị của cuộc sống, với lo toan đời thường, với nét cười đen nhánh sau tay áo/ Trong ánh trưa hè trước giậu thưa trong thơ Lưu Trọng Lư, với nét đậm thắm, dịu dàng của người mẹ khuyên vành áo thắm, áo the nâu của Đoàn Văn Cừ. Và tiêu biểu hơn cả, chúng ta thấy hình tượng người mẹ thôn quê được hiện lên rất chân thực trong thơ Nguyễn Bính với nét đẹp của người mẹ Việt Nam truyền thống táo tắn, đảm đang, giàu lòng yêu thương và đức hi sinh. Cả kí hiệu thắm mĩ của phong tục, lễ nghi, truyền thống Việt là kí mã của tư duy chủ thể thắm mĩ được chưng cất lên từ biểu tượng của cái đẹp: *Nuôi hai con lợn tự ngày xưa/ Mẹ tôi đã tính “tết thì vừa”/ Trữ gạo nếp thơm, mo gói bó/ Dọn nhà, dọn cửa, rửa bàn thờ (Tết của mẹ tôi).* Nhưng với Nguyễn Quang Thiều, hình tượng mẹ quê thực sự ám gợi khôn nguôi, dằng dặc trong nỗi buồn và niềm đau mê miết: *Mẹ con đứng vùi chân trong cát/ Nước mắt buồn bay ướt một triền sông (Tiếng cười).*

Ngoài kí ức thao thiết về mẹ, người đàn bà ở vùng quê sông Đáy thường ám ảnh cảm thức thơ Nguyễn Quang Thiều bằng những nét khắc lạ lùng, ấn tượng. Họ có mặt khắp nơi trong thi giới Nguyễn Quang Thiều song thường được ghi lại ở góc gác lạ. Tác giả không đặc tả về một nét, một vẻ nào trên khuôn mặt nhan sắc: *Thức dậy từ cơn mơ, cả cúc áo cũng không cài hết/ Cả tóc không kịp buộc, không kịp cả dẫn dò/ Tôi và em chạy về từ hai miền xa lạ/ Qua những cánh đồng, cỏ bản bật run lên (Dòng sông).* Tự thân hình tượng nhân vật trữ tình có ngôn ngữ thân xác, đầy quyền rũ; trùng phức như diễn ngôn âm áp, hồi hộp của cái tôi về nỗi khát thèm yêu đương thành thật của con người. Cũng có lắm lúc qua ngôn ngữ tượng trưng, họ hiện ra vẻ đẹp thân xác: *Da thịt nàng là buổi hừng đông, tóc nàng lấp lánh/ Ta không thể tin đêm qua nàng thiếp ngủ bên ta/ Bầy sói của đêm đen gầm gừ quanh nàng không làm nàng tỉnh giấc/ Nàng ngủ và gương mặt vẫn tỏa sáng một ngọn đèn (Ban mai),...* Và họ hiện

hiện đến đau lòng trong cuộc mưu sinh vất vả: *Một bàn tay họ bám vào đầu đòn gánh bé bỏng chơi voi/ Bàn tay kia bầu vào mây trắng/ Sông gục mặt vào bờ đất lần đi (Những người đàn bà gánh nước sông).* Cũng có lúc, nhà thơ đã phân thân thành kẻ khác với cái nhìn khách quan, tinh táo và lạnh lùng trước nghịch lí đáng sợ của đời sống thực tại. Bằng những thi ảnh ấn tượng khác biệt, một mảng đời sống khác của người phụ nữ hiện ra lam lũ, nhếch nhác tạo nên trường liên tưởng mới lạ, mang sắc hình mới là điều đáng nói: *Những người đàn bà vác dậm đi thành một hàng dọc về phía bên phải sát mép đại lộ/ Họ lặng lẽ như đội quân thất trận/ Cán dậm chúi xuống mặt đường - những nòng súng hết đạn/ Những tấm áo rách sặc mùi bùn phơi trong lòng dậm như cờ ngày việc làng già đăm/ Vây cá bám trên áo họ lấp lánh những tấm huân chương (Trên đại lộ).* Kỹ năng liên tưởng táo bạo mà chân thực, xúc động đã gọi nên những hình hài đẹp đẽ trong túi nhục, bản hàn, xấu xí, lẩn thẩn: *búi tóc vờ xoắn trên lưng áo mềm và ướt, gương mặt họ nảy bầy trên cuống lá thắm nâu, bắt chấy và gửi móng tay tua tua bò ra, còn những ngón chân thì xương xẩu, móng dài và đen tõe ra như móng chân gà mái (Những người đàn bà gánh nước sông).* Tìm về Nguyễn Bính, nhà thơ không ngắm nhìn người phụ nữ ở những góc khuất ấy mà ở hình ảnh đẹp đẽ, thơ mộng vốn có của những người đẹp da thơm là phấn, môi hường là son và nhìn lại Hoàng Cầm: người phụ nữ duyên quê cười như mùa thu tỏa nắng...

Bóng dáng người vợ liệt sĩ làng Chùa cũng hiện ra với những phác thảo liêu xiêu đầy ám gợi: *Họ đi trên ánh trắng gỗ ghè dọc con đường phơi đầy rom rạ tháng Mười/ Mái tóc dẫm hương lá bưởi của họ chảy lênh láng trong trăng/ Bầu vú họ vươn về phía ngọn lửa giới tính vừa nhóm lên sau đó. Thế nhưng có lúc bầu vú họ mệt mỏi nằm ngoẹo đầu và trở nên nghễnh ngãng, không còn nghe được tiếng gọi đàn ông nồng mùi thuốc Lào và ruộng bùn ngai ngái (Những ví dụ).* Trong chiều sâu bản thể, khao khát bản năng của họ lịm tắt dần. Chỉ còn sự sống cô độc với âu lo và ám ảnh về cái chết. Cái tôi trong thơ Nguyễn Quang Thiều đã nhìn thấy sự nghễnh ngãng, rũ ra của hình tượng trần tục thuộc về phái nữ, vốn tượng trưng cho sự kiêu hãnh sắc giới và căm dỗ/ ám gợi thiên tính nữ trước tiếng gọi đàn ông. Ẩn kín trong câu thơ “tàn nhẫn” kia là nỗi đau về phận người của thi nhân. Đây là phức cảm thiên tính nam/ là sự thống trị của nam giới trong quyền lực được tận

hương vẻ đẹp vi diệu của phái nữ. Là nơi thiên tính nữ của nhân vật trữ tình khao khát được hiện thân nhất. Và qua biểu tượng đó, ẩn sâu nỗi mặc cảm của sự tàn héo, mặc cảm của thân phận héo hắt rất đần bà. Đây có thể xem là xu hướng tự thú, vốn là bản chất thơ Việt đương đại. Dầu vậy, không bi thương, không ủy mị, không bé tấc. Ánh trăng huyền diệu xoa dịu nỗi đau của họ và nhóm lên những khát vọng vươn về phía ngọn lửa nhân sinh. Trong niềm đau bời bời vẫn hé ra mầm hi vọng, những người đần bà gánh nước sông luôn nuôi vọng khát về nơi hắt ra ánh sáng của sự vượt thoát: *Đâu đây thơm mùi sữa bà mẹ khe khẽ tràn vào đêm/ Đâu đây những bầu vú con gái tuổi mười lăm như những mầm cây đang nhồi lên khỏi đất* (Bài hát về cổ hương). Cái nhếch nhác, bần hàn, tủi cực trở nên lay động mãnh liệt trong nhớ thương của một tâm hồn đa mang nguồn cội. Cái đẹp là cái xù xì, lam lũ, vất vả, tội nghiệp trong phong cách thơ Nguyễn Quang Thiều... chính là hiện thân “mĩ học của cái khác” đang nhập thân vào đời sống thơ hiện đại/ hậu hiện đại của dòng chảy thơ Việt. Qua đó, một thiên chức đặc biệt nhất của thi ca được Nguyễn Quang Thiều khẳng định, chính là sự giải phóng hiệu nghiệm nhất bế tắc của cõi người ta; giúp con người khám phá những vẻ đẹp bí ẩn, tiềm tàng của đời sống.

2.3. Cõi tâm linh châu thổ níu giữ mộng mơ, huyền tích

“Mê tín” những giá trị tinh thần, Nguyễn Quang Thiều nghe thấy được sự thanh khiết vang lên trong nem kín giá trị văn hóa cội nguồn của hồn tạp, lấm láp đất đai châu thổ nên trong thơ ông luôn dựng lên nhiều nghi lễ tinh thần. Tâm thức người Việt luôn tín niệm rằng vạn vật hữu linh. Vì thế khi vạn vật và con người chết đi, linh hồn sống mãi và rong ruổi giữa cõi âm và cõi dương. Những cuộc dịch chuyển tâm hồn đầy bí ẩn hướng về miền tâm linh ấy đã mở ra trong thơ Nguyễn Quang Thiều một không gian nghệ thuật đầy hư ảo và vẻ đẹp của cuộc sống xen lồng màu sắc huyền thoại. Tín ngưỡng dân gian cũng là một “thuộc tính” trong thơ Nguyễn Quang Thiều, được chủ thể trữ tình phục hiện lại một cách sinh động và độc đáo. Nhà thơ đã lột tả hết tinh thần và đời sống tâm linh của người Việt được gửi gắm trong các phong tục tập quán đậm chất bản địa. Một thế giới thơ ca mở ra huyền ảo mà ở đó, không gian làng Chùa trở thành miền tâm linh con người, là ngọn nguồn của cảm thức sâu xa về bản thể đời sống.

Tất cả khoảng không gian đó thu về trong một nội tại chật kín tâm linh. Đó là mảnh đất thiêng nơi tổ tiên dòng họ còn âm âm tiếng nói vọng về từ những ngôi mộ hay miếu cổ: *Ta là đám rêu vừa cổ kính vừa tơ non ven tường ngôi miếu cổ* (Mười một khúc cảm); *Những ngôi mộ tổ tiên hắt sáng gọi tôi về/ Tôi khép đôi cánh xác xơ trước ngày cúng giỗ* (Bài hát). Đó là thế giới của những linh hồn đang bước ra từ bóng tối thâm u để cất lên tiếng nói của cái tôi mê thức. Trong *Những ví dụ*, từ cảm nhận thời gian cứ lặng lẽ nhắc nhớ những mã tâm linh rớt vào chiếc bình gốm cổ không lò, không gian cõi âm mở ra trong tiếng nấc vô vọng: *Tôi đứng trên con đường cuối làng khóc run lên như đứa trẻ mất mẹ. Tôi làm sao lật hết từng lá cỏ trên đất đai rộng lớn nhường kia, để tìm lại những người đàn bà góa bụa...* Đó là sự vô vọng trước chiều sâu vô tận của cõi tâm linh, luôn suy tư về một miền thăm thẳm của những linh hồn đã khuất dần sau cỏ và tiếng nói của họ chỉ vọng về qua *tiếng một căn gỗ vọng ra từ cổ áo quan*. Ta thấy rõ trong nhiều bài thơ của ông, sự sống của linh hồn mạnh hơn và lấn át sự sống hiện thể, như trong một tang lễ: *Một con ngựa trắng đi cúi mặt, rừ bồm/ Cổ xe tang chơ cái chết của màu xanh với hai cánh mũi lên cơn sốt rất bông/ Và tất cả những vệt cơ đang rung lên tiếng hí gọi hồn* (Gọi hồn), *Cổ xe tang trôi mãi vào cơn mê/ Những con rồng gỗ vẩy vàng bay lên trong tiếng kèn, tiếng trống* (Âm nhạc). Không gian tâm linh ấy là bề dày trầm tích văn hóa gọi về chiều sâu lịch sử của làng Chùa. Những ý nghĩ ma mị, những nghi lễ làng Chùa, những tập tục cúng giỗ; những linh hồn gắn bó vĩnh hằng với châu thổ không bao giờ dứt lìa. Điều ấy tạo nên một thứ ánh sáng huyền diệu cho mảnh đất châu thổ, sự linh thiêng hiện lên trong điều bình dị nhất của cuộc sống không ở đâu xa: *Trong nghi lễ của đất đai, của bầu trời, tôi nâng kèn, ngược mắt/ Tất cả những cánh đồng hoa loa kèn bùng nổ - bình minh* (Hồi tưởng)... *Và sau tiếng huáy ơ như tiếng người chợt thức/ Những ngọn ban mai mon mơn rướn mình* (Ban mai).

Dày đặc những câu thơ đắm trĩu cảm giác, thế giới xung quanh ngập điều thiêng: *Tất cả là sáo mòn, tất cả là vô sinh trừ ngọn lửa/ Vừa thức dậy dịu dàng tắm rửa những ban mai* (Hòa âm của những đả bào), *Đó là lúc con bóng đen/ Nổi lên giữa dòng sông Đáy/ Đôi mắt sáng hai vầng Nhật Nguyệt/ Đè cho ban mai một dải trắng hồng* (Con Bóng đen để trắng), *Những con thuyền lần ra cửa biển/ Mưa rất dài ướt hết cả dòng sông*

(*Những con thuyền sông Đáy*)... Trong *Bài ca về buổi tối*, cuộc sống thiên nhiên trở thành thế giới của người chết, nơi vòm lá cây, vàng trắng sáng và làn gió trong rèm đều trở thành tín hiệu của người chết, âm vọng tín hiệu của cõi âm. Những hình ảnh thuộc về không gian làng Chùa vừa gần gũi vừa mơ hồ; nó hiện lên qua hình dung, cảm nhận hơn là miêu tả. Mọi màu sắc và đường nét dường như nhòa mờ, nhường chỗ cho cảm giác, âm thanh, ý niệm. Cách cảm nhận đời sống trùm trong tâm linh đã tạo nên một khí quyển mê hoặc, một giọng điệu u huyền bao choáng lấy không gian nghệ thuật thơ Nguyễn Quang Thiều. Thế giới của làng Chùa hiện lên mang màu sắc của huyền tích. Đó là huyền tích của những người đàn bà gánh nước sông. *Một bàn tay họ bám vào đầu đòn gánh bé bỏng chơi voi/ Bàn tay kia bấu vào mây trắng (Những người đàn bà gánh nước sông)*, con thuyền sông Đáy *sinh ra từ biển sâu/ Mang hình lá đổ về biển cả (Những con thuyền sông Đáy)*, người nông dân già với những ngón tay *Trái xa mãi, xa xa... không bến bờ, bất tận (Nhịp điệu châu thổ mới)*. Mặt khác, sự sống kí thác vào thế giới âm thanh, vang lên trong mọi dạng thức đời sống của *Châu thổ*: cõi sống và cõi chết, thế giới hữu sinh và thế giới vô sinh, mê và tỉnh, thực và hư. Tất cả giao hòa trong một cuộc đối thoại bất tận. Giai điệu vừa âm thầm vừa mãnh liệt của châu thổ sông Đáy đó vang vọng trong tâm linh, thức động sự cảm nhận những gì hồn cốt nhất của đời sống. Đó chính là bản phối âm mơ hồ, ma mị của một thế giới u huyền: tiếng vận động của sinh linh, tiếng gọi của linh hồn trong tiền kiếp. Trong mỗi góc rạ khô trên cánh đồng có *tiếng người nấp sau ở đó gọi ta, và ta đi, ta đi... (Tháng Mười)*, trong tiếng kèn, tiếng nhị... của tang lễ là tiếng vang những *linh hồn của kiêu hãnh khát vọng, linh hồn những góa bụa chói sáng, linh hồn những cổ họng chứa đầy ánh sáng bi thương (Nhịp điệu châu thổ mới)*. Cả trong sự vận động không ngừng của vạn vật đang sinh tồn cũng vang lên thanh âm của một cõi tâm linh: rừng xa cất tiếng lớn dần từ đáy thẳm, bày lúa nước thờ than, những gốc hoa huyền ảo, bày ốc sên với âm thanh của sự chuyển động, con cá nác...

Rõ ràng, những mảnh vụn dính ghếp trong “bức khảm ghếp” của thiên sử thi/ thiên sử thi ẩn ức mặc cảm phẫn người và cả sự kiêu hãnh làm người mang tên là *Châu thổ* trong thơ Nguyễn Quang Thiều rậm rạp, phong phú và nhiều bí ẩn được bện kết từ ngôn ngữ,

hồn độn, ma mị của tín ngưỡng làng; là ngọn nguồn của cảm thức sâu xa về cuộc sống. Người đọc nhói đau trước thực tại con người bị vò xé thể thiết bởi mặc cảm đạo đức thâm kín.

3. Phàn kết

Mỗi văn bản là diễn ngôn của những phong cách ngôn ngữ, những đường kết nối trích dẫn đa bội, chồng xếp tri thức vốn là những tiền văn bản/ văn bản phái sinh. Theo Kristeva, phần nhiều những mảnh vụn này đều/ có khi vĩnh viễn vô danh, mờ nhòe văn bản nguyên thủy/ xuất xứ. Đó chỉ là những trích dẫn tự động, từ vô thức; không phải là kí mã riêng của một tầng ngữ nghĩa nguyên bản nào⁵. Thơ Nguyễn Quang Thiều như một bộ sưu tập, một tấm khảm đính cài những “mảnh vụn” ấy, nó là cốt hồn nông thôn đồng bằng Bắc Bộ trong sự đối thoại với các mã văn hóa uyên nguyên mộng mơ, đã là hiện thân của “cái khác” - mã nghệ thuật/ mã mĩ học tiếp nhận⁶. Chủ thể trữ tình trong người con của làng Chùa đã dùng con mắt của kí ức để “phục dựng” nét đẹp làng quê một thời, phục dựng hồn vía tổ tiên bằng nỗi day trở sâu sắc về cố hương: *Những ngôi mộ tổ tiên hát sáng gọi tôi về*. Chất hiện thực trong văn hóa cội nguồn đầy xúc cảm được bện dệt chặt chẽ, làm nên một “tấm vải mới”, một tác phẩm nghệ thuật văn hóa đẹp đến nao lòng của quê hương Bắc Việt; nó sẽ không trở thành chất thơ nếu tư duy tưởng tượng, liên tưởng không được phát huy một cách mạnh mẽ. Một thực tại nhòe nhạt và hỗn loạn nhiều khi miên man của các trạng thái tinh thần lại được tạo dựng trên nền tảng kinh nghiệm và siêu nghiệm của thi sĩ. Qua mạng lưới văn bản, liên

⁵Xin xem thêm [6].

⁶Bởi trong logic “đọc nhầm” của Bloom, mỗi văn bản nghệ thuật có quyền từ chối/ khước từ chính nó, thoát ra ngoài nó để sống đời sống mới. Tất cả tùy thuộc vào quyền năng định đoạt sinh mệnh tác phẩm của chủ thể đọc/ liên chủ thể.

tưởng mĩ cảm nối kết các ấn tượng, các chất liệu; tưởng tượng mở rộng đã khiến mĩ cảm về văn hóa cội nguồn trong thơ Nguyễn Quang Thiều được dịp hồi cố và lan rộng mãi. Nói như Barthes, nhà thơ không phải là người “đọc sáng”, mà chỉ là “kẻ biên chép” và văn bản chính

là không gian hội tụ những lối viết. Những gì mà nhà thơ viết ra đều “ngờ ngợ như đã đọc, đã viết, đã nói ở đâu đó rồi” [5]. Khai phá, giải mã các lớp trầm tích văn hóa cội nguồn trong tư duy nghệ thuật Nguyễn Quang Thiều qua một số biểu hiện tương tác các mã văn bản, người đọc không những được sống lại không gian văn hóa quá khứ - đương đại mà còn chứng nhận sự đối thoại/ va chạm giữa thì quá khứ - đương đại; trải nghiệm cùng bao suy tư, trăn trở của người nghệ sĩ mang tên Nguyễn Quang Thiều. *Châu thổ* có thể được gọi là chuỗi văn bản nghệ thuật thâm nhập những văn bản tiền thân/ phái sinh đậm nhân tính⁷ Việt.

⁷Xin xem thêm [1].

Tài liệu tham khảo

- [1] Alfred Adler (1968), Tìm hiểu nhân tính (Vũ Đình Lưu dịch), Nxb Hoàng Đông Phương, Sài Gòn.
- [2] Đào Tuấn Ảnh, Lại Nguyên Ân, Nguyễn Thị Hoài Thanh (2003), Văn học hậu hiện đại thế giới, những vấn đề lý thuyết, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội.
- [3] Nguyễn Đăng Điệp (chủ biên), (2003), Thơ Việt Nam hiện đại và Nguyễn Quang Thiều, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội.
- [4] Nguyễn Minh Quân, Liên văn bản - sự triển hạn đến vô cùng của tác phẩm văn học, http://se.ctu.edu.vn/bmnv/index.php?option=com_content&view=article&id=154:lien-vn-bn-s-trinh-n-vo-cung-ca-tac-phm-vn-hc-1&catid=47:li-lun-vn-hc&Itemid=74
- [5] LP. Rjanskaya, Liên văn bản – sự xuất hiện của khái niệm về lịch sử và lý thuyết của vấn đề, Ngân Xuyên dịch, <http://www.zun.vn/tai-lieu/lien-van-ban-su-xuat-hien-cua-khai-niem-ve-lich-su-va-ly-thuyet-cua-van-de-38078/>
- [6] Nguyễn Quang Thiều (2010), *Châu thổ*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội.
- [7] Nguyễn Văn Thuán (2012), Liên văn bản trong quan niệm của các nhà hình thức luận Nga, Nghiên cứu văn học, số 7.

NGUYEN QUANG THIEU'S *DELTA*

FROM THE VIEWPOINT OF COLLISION BETWEEN ORIGINAL CULTURAL CODES

Abstract: In the journey of Vietnamese poetry innovation, Nguyen Quang Thieu is a bizarre phenomenon: he is bizarre both in his perception and in his writing style. Reading Nguyen Quang Thieu's poems from the viewpoint of text code interaction, readers will perceive some collision among original cultural codes in a poetic text network: the symbol of the Tonkin culture, the origin of dreamlike deep sources,... In Nguyen Quang Thieu's poems, readers can contemplate the "exhibition of a national culture", which shows an obsession of the human fate and even an aspiration for liberating the human fate. His poetic thoughts, images and writing style are all reminders of *delta* space, where there is some woven disorder, chaos, haunting village beliefs, a memory that reconstructs origins, ancestors' graves that are reminiscent of ones' homeland. Studying Nguyen Quang Thieu's poetry from the dialogue between the original cultural codes also means a trend for intercultural aesthetic reception whereby readers can touch original aesthetic feelings, a cultural space brimming with the Vietnamese humanity.

Key words: delta; origin; cultural codes; intercultural; Nguyen Quang Thieu.